

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 608/2026/HC-PT

Ngày: 25 – 5 - 2026

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ
và tái định cư*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 428/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3171/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Số B, đường N, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Vĩnh P, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường N, Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cần Thơ – Ông Huỳnh Đức D (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Trần Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 06/06/2024, ông T1 nhận được Quyết định 63 và 414 của U. Yêu cầu hủy 02 quyết định này với các lý do:

Thứ nhất, đất ông là đất mặt tiền hiện hữu từ trước đến nay, đất được Ủy ban nhân dân thành phố S phê duyệt quy hoạch phân khu theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 26/09/2018 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là đất ở hiện có (cải tạo chỉnh trang). Theo Điều 62 của Luật đất đai thì đất ở hiện có (cải tạo chỉnh trang) thì không thuộc diện thu hồi vùng phụ cận hai bên đường và cũng theo Điều 62 Luật Đất đai thì nhà nước chỉ được thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc phòng ở diện đất ở hiện có (Cải tạo chỉnh trang) chứ không được thu hồi sử dụng vào mục đích nhà ở thương mại.

Thứ hai, tên "Dự án Vành Đai I" ông khẳng định không có nói gì đến thu hồi đất hai bên đường và không có nói gì đến việc thu hồi vùng phụ cận. Kể cả Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh cũng không nói gì đến thu hồi vùng phụ cận 40m mặt tiền hai bên đường. Đất của ông không thuộc vùng phụ cận của Dự án đường Vành Đai I. Ông nhận thấy rằng phía Ủy ban nhân dân thành phố S đã hiểu sai Công văn số 2315/TCQLĐĐ ngày 14/09/2022 của T2 vì trong dự án Đường V I không có nói gì đến vùng phụ cận thì làm sao áp dụng được Công văn số 2315/TCQLĐĐ.

Thứ ba, Dự án Đường V I không có tiến độ sử dụng đất hai bên đường là trái với quy định tại Điều 63 Luật Đất đai, hơn nữa từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh ra Nghị quyết số 145/NQ-HĐND tỉnh S ngày 11/12/2020 và Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh số 3067/QĐ-UBND tỉnh ngày 13/11/2021 thì thời điểm này chưa có kế hoạch sử dụng đất là sai quy định. Đến năm 2023, thành phố S mới mời ông để triển khai thu hồi đất và ông không đồng ý việc thu hồi 40m mặt tiền vùng phụ cận, mãi đến tháng 01 năm 2024 Ủy ban nhân dân thành phố S mới có kế hoạch sử dụng đất nhằm để đối phó là trái với quy định của Luật Đất đai, nên Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi đất 40m hai bên đường Vành Đai I là sai quy định pháp luật.

Ngày 30/07/2024, được sự động viên của quý lãnh đạo tỉnh và các cơ quan liên quan, do nhu cầu giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh hiện nay nên các cơ quan có khuyên ông trước mắt bàn giao đất lòng lề lộ để địa phương kịp giải ngân vốn đầu tư công. Kêu ông làm đơn để địa phương giải quyết nhận tiền lòng

lề lộ đi qua phần đất của ông, phần còn lại để giải quyết sau cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Người bị kiện trong quá trình giải quyết có văn bản trình bày ý kiến.

- Biên bản ngày 06 tháng 6 năm 2023 về thống kê kiểm đếm nhà, công trình; cây trồng, hoa màu; vật nuôi là thủy sản bị thiệt hại bởi dự án đầu tư công trình đường V (bản photo);

- Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S, về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng (đợt 6, bản photo);

- Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S, về việc thu hồi đất của ông (bà) Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng (bản photo);

- Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng (bản photo);

- Báo cáo số 260/BC-TTPTQĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố S, về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất làm lòng, lề lộ của ông Đoàn Vĩnh P đại diện được ủy quyền của ông Trần Văn T1 (bản photo);

- Báo cáo số 26/BC-TTPTQĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S, về việc ông Trần Văn T1 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ lần thứ 1 với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đối với phần đất làm lòng, lề đường Vành Đai I (bản photo);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 617601, số vào sổ CS02337 do Sở T3 (nay là Sở T3) Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn T1 ngày 07 tháng 12 năm 2021 (bản photo);

- Biên bản chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố ngày 21 tháng 01 năm 2025 (bản photo);

- Phiếu chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố ngày 21 tháng 01 năm 2025 (bản photo).

Về ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ủy ban nhân dân thành phố S đã tổ chức thực hiện đúng theo chủ trương và các văn bản chỉ đạo đối với dự án đường V, cụ thể gồm:

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh S về bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2020 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh S về chủ trương đầu tư dự án đường V (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh S, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường V (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh S, về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 1237/TTg-NN ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án đường V, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 8576/BTNMT-QHPTTND ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Bộ T4 về thu hồi đất hai bên đường khi thực hiện các dự án xây dựng mới đường giao thông;

- Công văn số 4739/BXD-QHKT ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ X về hướng dẫn quy định về thu hồi đất hai bên đường khi thực hiện các dự án xây dựng mới đường giao thông trong đô thị;

- Công văn số 1528/UBND-KT ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh S, về việc thực hiện các công việc liên quan đến thu hồi đất hai bên đường đối với các dự án ngành giao thông tại khu vực đô thị.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố S đã áp dụng tính tiền bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của ông Trần Văn T1 đúng và đủ theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh S, về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường V và thực hiện giải phóng mặt bằng đúng theo ranh của dự án đã được chủ đầu tư bàn giao để thực hiện. Do vậy, việc ông Trần Văn T1 yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp theo quy định nêu trên đối với dự án đường V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định 63/QĐ-UBND và Quyết định số 414/QĐ-UBND đối với việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ phần đất vùng phụ cận có diện tích là 5.395,8m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ 38 của ông T1; người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện, các đương sự không tự đôi thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

“...1/ Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu:

- *Hủy một phần Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc thu hồi đất của ông Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đối với vùng phụ cận có diện tích là 5.395,8m², thuộc thửa số 07 tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại Phường E, thành phố S (N là phường S, thành phố Cần Thơ).*

- *Hủy một phần Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với vùng đất phụ cận có diện tích là 5.395,8m², thuộc thửa số 07 tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại Phường E, thành phố S cho ông (bà) Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng... ”.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 07/10/2025, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Văn T1, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm,** ông Trần Văn T1 có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nội dung: UBND thành phố S thu hồi thêm vùng phụ cận của dự án là vượt quá phạm vi Nghị quyết số 145 của Hội đồng nhân dân tỉnh S thông qua nên không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phía người khởi kiện kháng cáo và yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc thu hồi đất của ông Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đối với vùng phụ cận có diện tích là 5.395,8m², thuộc

thửa số 07 tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại Phường E, thành phố S (N là phường S, thành phố Cần Thơ).

- Hủy một phần Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với vùng đất phụ cận có diện tích là 5.395,8m², thuộc thửa số 07 tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại Phường E, thành phố S cho ông (bà) Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng.

[1] Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện:

Tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu số E, phường E, TP ., theo đó quy mô diện tích 227,762ha, trong đó có Dự án đường Vành đai I (lộ giới 26m, mặt đường rộng 14m, vỉa hè rộng 6m x 12). Ngày 17/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh S có Tờ trình số 99/TTr-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường V. Ngày 11/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh S ban hành Nghị quyết số 145/NQ-HĐND về Chủ trương đầu tư dự án đường V. Tại Nghị quyết này Điều 1 đã quy định: “Tổng chiều dài khoảng 4,0km, kết cấu mặt đường láng nhựa, bề rộng nền đường 26m, phần xe chạy 14m, vỉa hè hai bên 6m, đắp đất đối với đoạn ít dân cư, lát gạch đối với đoạn qua khu dân cư”. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, ngày 03/11/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 3067/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường V. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh S, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 về phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 6). Theo đó, tổng diện tích đất thu hồi là 30.958,1m². Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn T1; ngày 05/02/2024, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn T1 với tổng diện tích đất là 6.391,9m², loại đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại phường E, TP ., với tổng số tiền là 2.397.789.500 đồng. Ông Trần Văn T1 không đồng ý với việc thu hồi trên do ngoài việc thu hồi diện tích phần đường Vành đai I, vỉa hè đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân T còn thu hồi thêm 40m vùng phụ cận, nên ông đã nhiều lần khiếu nại đến U.

[2] Thấy rằng: Căn cứ mà Ủy ban nhân dân T ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là Nghị quyết số 145/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh S và Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh S. Tuy nhiên, Nghị quyết và Quyết định này cũng không đề cập và quy định việc thu hồi đất đối với vùng phụ cận.

[2.1] Theo điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch) quy định: “*Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại*

Điều 61 và Điều 62 của Luật này trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đầu tư giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh”.

[2.2] Tại Công văn số 1237/TTg-NN ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận UBND tỉnh S quyết định chuyển mục đích sử dụng 36,3ha đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để thực hiện Dự án đường V (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn – P, phường H đến đường T, Phường F, thành phố S) và tại Công văn số 8576/BTNMT-QHPTTND ngày 09/10/2023 của Bộ T4 cũng đã có ý kiến: “...Đối với các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 thì xác định cụ thể vị trí, diện tích đất phải thu hồi trong vùng phụ cận để lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tổ chức lấy ý kiến, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định; khi lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đối với các dự án phải thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có các dự án nêu trên) thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc xác định cụ thể quy mô, vị trí, diện tích phải thu hồi đất trong vùng phụ cận bảo đảm tính khả thi để Ủy ban nhân dân tỉnh T Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45 của Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch). Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, không để xảy ra khiếu kiện phức tạp”.

[2.3] Như vậy, đối với diện tích đất thu hồi thêm 40m ngang vùng phụ cận của ông T1, phía người bị kiện chưa: xác định cụ thể vị trí, diện tích đất phải thu hồi trong vùng phụ cận là bao nhiêu (ngoài 26m ngang làm đường được phê duyệt), chưa lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chưa thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định; đặc biệt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa trình Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với phần đất 40m ngang vùng phụ cận...là thực hiện chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và hướng dẫn trên; ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân khi phê duyệt Phương án áp giá bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của phía người bị kiện cũng không lý giải được nội dung này, đồng thời không phát biểu ý kiến.

[3] Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T1, buộc phía người bị kiện phải thực hiện lại nhiệm vụ công vụ: Xác định cụ thể vị trí, diện tích, lập kế hoạch sử dụng đất, thẩm định, để trình Hội đồng nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt, lập phương án bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Trong trường hợp, không được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt phần 40m ngang vùng phụ cận, thì việc bồi thường giá đất phải thông qua đấu giá hoặc đấu thầu hoặc thoả thuận... theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí hành chính: Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính xác định lại:

- Án phí hành chính sơ thẩm: phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cần Thơ phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T1.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2025/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc thu hồi đất của ông Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đối với vùng phụ cận có diện tích là 5.395,8m², thuộc thửa số 07 tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại Phường E, thành phố S (N là phường S, thành phố Cần Thơ).

- Hủy một phần Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với vùng đất phụ cận có diện tích là 5.395,8m², thuộc thửa số 07 tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại Phường E, thành phố S cho ông (bà) Trần Văn T1 để thực hiện dự án đường V (đoạn từ ngã B - P, Phường H đến đường T, Phường F, thành phố S), tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc Ủy ban nhân dân phường S, Thành phố Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ công vụ theo hướng nhận định trên.

2.2. Về án phí sơ thẩm: phía người bị kiện Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cần Thơ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

2.3. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Văn T1 không phải chịu, được hoàn lại 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004464 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 15b-TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười